

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH ĐIỆN BIÊN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 09/2023/DS-PT

Ngày: 14-6-2023

V/v kiện đòi tài sản

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐIỆN BIÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: ông Nguyễn Trọng Đoàn

Các Thẩm phán:

bà Bùi Thị Thu Hằng

Ông Lò Văn Lịch

- **Thư ký phiên tòa:** ông Lê Đình Hải Nam, Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Điện Biên.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Điện Biên tham gia phiên tòa:** bà Lò Thị Hoài Thu, kiểm sát viên

Ngày 22 tháng 5 và ngày 14 tháng 6 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Điện Biên, xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự phúc thẩm thụ lý số 23/2022/TLPT-DS ngày 31 tháng 3 năm 2023, về việc “*Kiện đòi tài sản*”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 05/2022/DS-ST ngày 21/12/2022 của Tòa án nhân dân thành phố Điện Biên Phủ, tỉnh Điện Biên bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 14/2023/QĐ-PT ngày 30/3/2023; Quyết định hoãn phiên tòa số: 21/2023/QĐ-PT ngày 28/4/2023; Thông báo thay đổi thời gian mở lại phiên tòa số: 56/TB-TA ngày 18/5/2023; Quyết định tạm ngừng phiên tòa số: 08/2023/QĐPT-DS ngày 22/5/2023; giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: bà Hồ Tuyết H; địa chỉ: tổ dân phố 06, phường M, thành phố Đ, tỉnh Điện Biên, có mặt.

2. Bị đơn: bà Ngụy Thị Đ; địa chỉ: số nhà 111, tổ dân phố 10, phường T, thành phố Đ, tỉnh Điện Biên, có mặt.

3. Người kháng cáo: bị đơn Ngụy Thị Đ.

NỘI DUNG VỤ ÁN

1. Theo đơn khởi kiện đề ngày 15/5/2022, bản tự khai, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn bà Hồ Tuyết H trình bày:

Bà Hồ Tuyết H và bà Ngụy Thị Đ có mối quan hệ quen biết từ lâu, nên bà H có vay tiền của bà Đ. Theo Quyết định công nhận sự thỏa thuận của các đương sự số 16/2019/QĐST-DS ngày 27/5/2019 của Tòa án nhân dân thành phố Đ thì bà H

phải có trách nhiệm trả cho bà Đ tổng số tiền là 42.000.000 (Bốn mươi hai triệu) đồng, trong đó số tiền nợ gốc là 30.000.000 (Ba mươi triệu) đồng và tiền lãi là 12.000.000 (Mười hai triệu) đồng. Bà H đã trả cho bà Đ tổng số tiền là 26.000.000 (Hai mươi sáu triệu) đồng, bà Đ ký xác nhận đã nhận tiền của bà H, cụ thể như sau:

Lần 1: ngày 21/10/2019, trả cho bà Đ 3.000.000 (Ba triệu) đồng bằng tiền mặt, trả tại nhà bà Đ.

Lần 2: ngày 30/11/2019, trả cho bà Đ 23.000.000 (Hai mươi ba triệu) đồng bằng tiền mặt, trả tại nhà bà Đ.

Cả hai lần bà Đ nhận tiền của bà H đều không có người làm chứng.

Ngày 12/5/2022, bà Đ làm đơn gửi Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Đ, yêu cầu thi hành đối với khoản tiền tại Quyết định số 16 ngày 27/5/2019 của Tòa án nhân dân thành phố Đ buộc bà phải trả số tiền 42.000.000 đồng cho bà Đ. Bà H đã xuất trình giấy trả nợ cho bà Đ tại Chi cục Thi hành án nhưng bà Đ không nhận là đã nhận của bà số tiền 26.000.000 (Hai mươi sáu triệu) đồng và cho rằng bà H tự ký chữ ký của bà Đ vào giấy nhận nợ, vì vậy, Chi cục Thi hành án dân sự đã phong tỏa tài khoản của bà H để khấu trừ hết số tiền bà H còn nợ bà Đ tại Quyết định về việc khấu trừ tiền trong tài khoản để thi hành án số 33 ngày 23/5/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Điện Biên Phủ, tỉnh Điện Biên. Như vậy, số tiền 42.000.000 (Bốn mươi hai triệu) đồng bà H phải trả bà Đ theo Quyết định số 16/2019/QĐST-DS ngày 27/5/2019 của Tòa án bà H đã thi hành xong. Do vậy, bà H khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà Đ phải trả cho bà H số tiền 26.000.000 (Hai mươi sáu triệu) đồng đã trả theo Giấy trả tiền gốc đã nộp cho Tòa án. Bà H khẳng định: số tiền 26.000.000 (Hai mươi sáu triệu) đồng bà khởi kiện đòi bà Đ trong vụ án này không liên quan gì đến số tiền 42.000.000 (Bốn mươi hai triệu) đồng mà bà H đã trả cho bà Đ tại cơ quan thi hành án và ngoài số tiền gốc, lãi là 42.000.000 (Bốn mươi hai triệu) đồng tại Quyết định công nhận sự thỏa thuận của các đương sự số 16/2019/QĐST-DS ngày 27/5/2019 của Tòa án ra thì bà H không vay thêm bất kỳ số tiền nào khác của bà Đ.

Tại phiên tòa, bà H xin rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với số tiền 3.000.000 (Ba triệu) đồng bà H đã trả bà Đ ngày 21/10/2019. Hiện bà H chỉ yêu cầu Tòa án giải quyết: buộc bà Đ phải trả cho bà H số tiền gốc là 23.000.000 (Hai mươi ba triệu) đồng.

2. Tại bản tự khai, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa bị đơn bà Nguyễn Thị Đ trình bày:

Bà Nguyễn Thị Đ và bà Hồ Tuyết H có mối quan hệ quen biết từ lâu, trước đây bà H có vay tiền của bà nhiều lần, đã được Tòa án giải quyết tại Quyết định công nhận sự thỏa thuận của các đương sự số 16/2019/QĐST-DS ngày 27/5/2019. Theo quyết định này, bà H phải có trách nhiệm trả cho bà Đ tổng số tiền cả gốc và lãi là 42.000.000 (Bốn mươi hai triệu) đồng. Sau khi có quyết định, bà H cũng đã trả cho bà Đ được hai lần, cụ thể:

Lần 1: vào ngày 21/10/2019, bà H trả số tiền 3.000.000 (Ba triệu) đồng.

Lần 2: bà Đ không nhớ ngày, bà H trả cho bà số tiền 3.000.000 (Ba triệu) đồng.

Tổng cộng hai lần, bà H đã trả cho bà Đ số tiền 6.000.000 (Sáu triệu) đồng, sau đó thì bà H không thực hiện việc trả số tiền nợ còn lại, nên bà Đ đã làm đơn yêu cầu Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Điện Biên Phủ thi hành đối với Quyết định số 16/2019/QĐST-DS của Tòa án để đòi nốt số tiền còn lại. Tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Điện Biên Phủ, bà Đ và bà H có thỏa thuận thi hành án và bà đã giảm thêm cho bà H 3.000.000 (Ba triệu) đồng nữa. Như vậy, bà Đ tính là bà H đã trả được cho bà tổng số tiền là 9.000.000 (Chín triệu) đồng, do vậy, số tiền còn lại bà H phải trả cho bà Đ chỉ còn 33.000.000 (Ba mươi ba triệu) đồng.

Nay bà H căn cứ vào một mảnh giấy để khởi kiện đòi bà Đ số tiền 26.000.000 (Hai mươi sáu triệu) đồng mà bà H nói đã trả cho bà hai lần thì bà Đ không nhất trí, cụ thể:

+ Trong mảnh giấy bà H làm căn cứ khởi kiện có nội dung:

Đồng ý trả 30.000.000 (Ba mươi triệu đồng)

là chữ viết của bà H.

Ngày 21/10/2019

trả chị Độ 3.000.000 (Ba triệu đồng chẵn)

là chữ viết của bà H.

+ Còn hai chữ:

Độ ký

đúng là chữ viết của bà Đ.

Bà Đ xác nhận có nhận được số tiền 3.000.000 (Ba triệu) đồng này. Tuy nhiên, (theo bà) số tiền 3.000.000 (Ba triệu) đồng này bà Đ đã trừ vào tổng số tiền cả gốc và lãi là 42.000.000 (Bốn mươi hai triệu) đồng mà bà H phải trả cho bà Đ tại Quyết định công nhận sự thỏa thuận của các đương sự số 16/2019/QĐST-DS ngày 27/5/2019 của Tòa án nhân dân thành phố Điện Biên Phủ.

+ Nội dung:

Ngày 30/11

Trả chị Độ 23000.000

(Hai mươi ba triệu đồng)

Đây là chữ viết của bà H, còn chữ ký đúng là chữ ký của bà Đ, nhưng bà xác nhận lần trả này bà H chỉ trả cho bà số tiền 3.000.000 (Ba triệu) đồng, còn số “2” và chữ viết “*Hai mươi ba triệu đồng*” là bà H viết thêm vào, vì tờ giấy sau khi bà ký xác nhận thì bà H cầm, còn bà Đ không được cầm. Tại phiên hòa giải, bà Đ có yêu cầu cơ quan Công an giám định chữ viết thêm của bà H để làm rõ việc bà H viết thêm số “2” và dòng chữ “*Hai mươi ba triệu đồng*” vào trong mảnh giấy trả tiền, tuy nhiên sau đó bà Đ đã rút yêu cầu giám định này. Đối với số tiền 23.000.000 (Hai mươi ba triệu) đồng ghi ngày 30/11 trong Giấy trả tiền bà Đ không chấp nhận, vì không ghi năm và bà Đ cho rằng số tiền 23.000.000 (Hai mươi ba triệu) đồng này là bà H trả cho những khoản vay trước mà giấy tờ vay nợ hai bên đã xé bỏ, không còn giữ.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số: 05/2022/DS-ST ngày 21/12/2022 của Tòa án nhân dân thành phố Điện Biên Phủ, tỉnh Điện Biên đã quyết định:

Căn cứ: khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 147, Điều 271, Điều 273 và Khoản 1 Điều 244 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 166 của Bộ luật Dân sự năm 2015; khoản 3 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng, án phí, lệ phí Tòa án.

“*Tuyên xử:*”

1. *Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Hồ Tuyết H về việc yêu cầu bà Nguyễn Thị Đ trả cho bà Hồ Tuyết H số tiền 23.000.000 đồng.*

2. *Buộc bà Nguyễn Thị Đ có nghĩa vụ trả cho bà Hồ Tuyết H số tiền 23.000.000 (Hai mươi ba triệu) đồng.*

Kể từ ngày bà Hồ Tuyết H có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bà Nguyễn Thị Đ không thi hành như án đã tuyên, thì hàng tháng còn phải chịu khoản tiền lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả theo quy định tại Điều 357 Bộ luật Dân sự năm 2015.

3. *Đình chỉ xét xử một phần yêu cầu khởi kiện đối với số tiền 3.000.000 (ba triệu) đồng bà H yêu cầu bà Đ phải trả.*

4. *Về án phí: bà Nguyễn Thị Đ phải chịu 1.150.000 (Một triệu một trăm năm mươi nghìn) đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch. Trả lại cho bà Hồ Tuyết H số tiền 650.000 (Sáu trăm năm mươi nghìn) đồng tạm ứng án phí giá ngạch đã nộp theo biên lai số 0001919 ngày 31 tháng 5 năm 2022 tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố Điện Biên Phủ, tỉnh Điện Biên.”*

Ngoài ra, bản án còn tuyên về quyền kháng cáo của các đương sự theo quy định của pháp luật.

Tại đơn kháng cáo ngày 30/12/2022 và tại phiên tòa phúc thẩm của bị đơn bà Nguyễn Thị Đ kháng cáo bản án dân sự sơ thẩm số: 05/2022/HNGĐ-ST ngày 21 tháng 12 năm 2022 của Tòa án nhân dân thành phố Điện Biên Phủ, tỉnh Điện

Biên; đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm số: 05/2022/DS-ST ngày 21 tháng 12 năm 2022 của Tòa án nhân dân thành phố Điện Biên Phủ, tỉnh Điện Biên theo hướng không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc yêu cầu bà phải trả lại cho nguyên đơn số tiền 23.000.000 (Hai mươi ba triệu) đồng.

Ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Điện Biên tại phiên tòa:

Về chấp hành pháp luật tố tụng: quá trình giải quyết vụ án ở cấp phúc thẩm từ khi thụ lý vụ án đến ban hành, tổng đạt các văn bản tố tụng đã đảm bảo đúng quy định của pháp luật. Tại phiên tòa Thẩm phán chủ tọa phiên tòa và những người tiến hành tố tụng, người tham gia tố tụng đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về quan điểm giải quyết vụ án:

- Về hình thức: bà Ngụy Thị Đ làm đơn kháng cáo và nộp đơn kháng cáo đúng quy định tại Điều 271 và Điều 273 bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về nội dung kháng cáo: bà Đ kháng cáo Bản án sơ thẩm đề nghị cấp phúc thẩm sửa toàn bộ Bản án sơ thẩm theo hướng không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, bởi: theo tài liệu có trong hồ sơ vụ án thấy rằng: Giấy trả tiền (BL 08) bà H giao nộp cho Tòa án có nội dung bà H trả cho bà Đ tổng số tiền 26 triệu đồng, trong đó trả 3 triệu vào ngày 21/10/2019 và ngày 30/11 trả 23 triệu được viết liền kề trên một mảnh giấy theo bà H khai là ngày 30/11/2019. Quá trình giải quyết vụ án tại cấp sơ thẩm bà Đ thừa nhận mỗi lần bà H trả tiền cho bà, bà đều ký chốt ngay sau số tiền bà H ghi trên giấy trả tiền. Bà khẳng định chữ “Đ ký” và chữ ký trên giấy trả tiền là của bà. Như vậy, có đủ cơ sở xác định bà Đ đã nhận của bà H 23 triệu. Bà Đ thừa nhận được nhận từ bà H 23 triệu, bà cho rằng bà H trả cho khoản vay khác, không phải trả cho khoản vay 42 triệu theo Quyết định số 16/2019/QĐST-DS ngày 27/5/2019 của Tòa án nhân dân thành phố Điện Biên Phủ, quá trình giải quyết vụ án tại cấp sơ thẩm, phúc thẩm bà Đ không cung cấp được chứng cứ chứng minh cho khoản vay nào. Do vậy, việc bà H khai vào ngày 30/11/2019, bà H có trả cho bà Đ 23 triệu đồng là phù hợp theo trình tự thời gian, lời trình bày của bà H là có cơ sở. Do tại cơ quan thi hành án bà Đ không thừa nhận đã nhận 23 triệu của bà H vào ngày 30/11/2019 nên bà H đã tự nguyện để Cơ quan THADS khấu trừ trên tài khoản của bà số tiền 33 triệu để trả cho bà Đ đồng thời bà làm đơn khởi kiện yêu cầu bà Đ trả lại số tiền 23 triệu.

Từ những lập luận nêu trên thấy không có cơ sở để chấp nhận nội dung kháng cáo của bị đơn. Tòa án cấp sơ thẩm tuyên chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ, cần giữ nguyên Bản án sơ thẩm. Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Điện Biên đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự, giữ nguyên Bản án sơ thẩm. Về án phí đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và quá trình hỏi công khai tại phiên tòa phúc thẩm; căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về tính hợp pháp của đơn kháng cáo của bị đơn:

Ngày 30/12/2022, bị đơn bà Nguyễn Thị Đ kháng cáo bản án dân sự sơ thẩm số: 05/2022/DS-ST ngày 21 tháng 12 năm 2022 của Tòa án nhân dân thành phố Điện Biên Phủ, tỉnh Điện Biên.

Việc kháng cáo của bà Đ được thực hiện trong thời hạn luật định, nội dung kháng cáo và quyền kháng cáo phù hợp với quy định của pháp luật. Bà Đ đã nộp tiền tạm ứng án phí phúc thẩm. Như vậy, đơn kháng cáo của bà Đ là hợp lệ, đúng theo quy định tại các Điều 271, 272, 273 và 276 Bộ luật Tố tụng dân sự. Do đó, Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận để tiến hành xem xét nội dung đơn kháng cáo của Đ theo trình tự phúc thẩm.

[1.2] Xét nội dung kháng cáo của bị đơn về việc không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc yêu cầu bà phải trả lại cho nguyên đơn số tiền 23.000.000 (Hai mươi ba triệu) đồng.

Hội đồng xét xử phúc thẩm thấy rằng tại phiên tòa sơ thẩm và phúc thẩm, các đương sự đều trình bày:

Bà Hồ Tuyết H và bà Nguyễn Thị Đ có mối quan hệ quen biết từ lâu, nên bà H có vay tiền của bà Đ, khi hai bên có tranh chấp bà Đ đã khởi kiện đến Tòa án thành phố Điện Biên Phủ yêu cầu bà H phải trả cho bà số tiền 42.000.000 (Bốn mươi hai triệu) đồng. Theo Quyết định công nhận sự thỏa thuận của các đương sự số 16/2019/QĐST-DS ngày 27/5/2019 của Tòa án nhân dân thành phố Điện Biên Phủ thì bà H phải có trách nhiệm trả cho bà Đ tổng số tiền là 42.000.000 (Bốn mươi hai triệu) đồng, trong đó số tiền nợ gốc là 30.000.000 (Ba mươi triệu) đồng và tiền lãi là 12.000.000 (Mười hai triệu) đồng.

Theo tài liệu có trong hồ sơ vụ án thể hiện quá trình thi hành án bà H và bà Đ đều thừa nhận bà H đã trả cho bà Đ số tiền 6.000.000 (Sáu triệu) đồng.

Bà H cho rằng đã trả cho bà Đ tổng số tiền là 26.000.000 (Hai mươi sáu triệu) đồng, bà Đ ký xác nhận đã nhận tiền của bà H, cụ thể như sau: lần 1, ngày 21/10/2019, trả cho bà Đ 3.000.000 đồng bằng tiền mặt, trả tại nhà bà Đ; lần 2: ngày 30/11/2019, trả cho bà Đ 23.000.000 (Hai mươi ba triệu) đồng bằng tiền mặt, trả tại nhà bà Đ. Cả hai lần bà Đ nhận tiền của bà H tại nhà bà Đ và đều không có người làm chứng.

Tuy nhiên, bà Đ cho rằng thực tế bà H mới trả cho bà số tiền là 6.000.000 (Sáu triệu) đồng và bà đã đòi trừ số tiền nhiều lần bà H đến nhà bà H tặng quà, quy ra tiền trị giá 3.000.000 (Ba triệu) đồng và tính tổng số tiền bà H đã trả cho bà Đ số tiền là 9.000.000 (Chín triệu) đồng. Do đó, bà Đ đã yêu cầu thi hành án

dân sự thành phố Điện Biên Phủ áp dụng biên pháp khấu trừ tiền trong tài khoản của bà H số tiền 33.000.000 (Ba mươi ba triệu) đồng để trả cho bà H theo quyết định công nhận sự thỏa thuận của các đương sự.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bà H và bà Đ đều công nhận bà H đã trả cho bà Đ số tiền là 6.000.000 (Sáu triệu) đồng. Bà Đ trình bày và cung cấp cho tòa án cấp phúc thẩm bản ảnh chụp tờ giấy ghi trả nợ như bà H cung cấp nhưng không có chữ “*Giấy trả tiền*”. Mặt khác, tại phiên tòa, bà H cũng đã trình bày việc viết số tiền bằng số và ghi bằng chữ là liền một dòng, nhưng mục ghi số “23000.000” và chữ ghi “Hai mươi ba triệu đồng” lại viết tại dòng sau của trang giấy và chữ ký của bà Đ lại ở dòng có số “23000.000”.

Mặt khác, tại phiên tòa phúc thẩm, bà Đ còn cung cấp 01 (một) bản ảnh chụp trong điện thoại di động của bà Đ chụp lại mảnh giấy của bà Đ đã xuất trình cho cơ quan thi hành án dân sự thành phố Điện Biên Phủ (tờ giấy có ghi các lần trả tiền). Tuy nhiên, không có ghi:

giấy Trả Tiền

Việc ghi thêm chữ “giấy Trả Tiền” vào mảnh giấy đó là do bà H tự ghi thêm khi đến khởi kiện tại Tòa án cấp sơ thẩm.

Như vậy, lời trình bày của bà Đ cho rằng bà H đã tự ý ghi thêm số 2 trước chữ số 3 thành “23000.000” và thực tế bà Đ chỉ nhận của bà H số tiền 3.000.000 (Ba triệu) đồng vào ngày 21/10/2019 và 3.000.000 (Ba triệu) đồng vào ngày 30/11 (mặc dù trong giấy ghi trả tiền không ghi năm nhưng cả hai bên đều công nhận số tiền này trả trong năm 2019) là có căn cứ để chấp nhận. Mặt khác, tại biên bản thi hành án bà H đã tự nguyện khấu trừ số tiền 33.000.000 (Ba mươi ba triệu) đồng trong tài khoản và hai bên đã thừa nhận đã giao cho nhau số tiền 6.000.000 (Sáu triệu) đồng và đối trừ số tiền quà trị giá 3.000.000 (Ba triệu) đồng thành 9.000.000 (Chín triệu) đồng nên bà H chỉ phải trả thêm cho bà Đ số tiền 33.000.000 (Ba mươi ba triệu) đồng là có sự logic về quá trình thi hành án đối với số tiền bà H phải trả cho bà Đ là 42.000.000 (Bốn mươi hai triệu) đồng.

Từ những phân tích nêu trên, xét thấy lời trình bày của bà Đ là có căn cứ. Tuy nhiên, Tòa án cấp sơ thẩm lại chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà H, buộc bà Đ phải trả cho bà H số tiền 23.000.000 (Hai mươi ba triệu) đồng là không có căn cứ. Do vậy, cần phải chấp nhận nội dung kháng cáo của bà Đ về việc sửa bản án sơ thẩm theo hướng không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà H đối với bà Đ về việc yêu cầu bà Đ phải trả cho bà H số tiền 23.000.000 (Hai mươi ba triệu) đồng. Trong quá trình giải quyết vụ án, bà H còn khởi kiện yêu cầu bà Đ phải trả số tiền 3 triệu đồng; tuy nhiên, bà đã rút yêu cầu khởi kiện này. Tòa án cấp sơ thẩm đã đình chỉ việc giải quyết đối với yêu cầu đòi 3 triệu đồng này. Tại đơn kháng cáo của bà Đ cũng không yêu cầu giải quyết về yêu cầu này. Do vậy, Hội đồng xét xử phúc thẩm không xem xét giải quyết.

Từ những phân tích nêu trên, Hội đồng xét xử phúc thẩm thấy rằng đề nghị của nguyên đơn và Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phúc thẩm về việc đề nghị giữ nguyên quyết định của Bản án sơ thẩm là không có căn cứ để chấp nhận.

Về án phí dân sự sơ thẩm: do yêu cầu khởi kiện của bà H không được chấp nhận nên cần phải xác định lại nghĩa vụ án phí dân sự sơ thẩm. Nghĩa vụ án phí dân sự sơ thẩm bà H phải chịu là $23.000.000,đ \times 5\% = 1.150.000,đ$ (Một triệu một trăm năm mươi nghìn đồng).

[2] Án phí dân sự phúc thẩm: căn cứ khoản 2 Điều 148 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm c khoản 1 Điều 24, khoản 2 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Do kháng cáo của bà Nguyễn Thị Đ được chấp nhận nên bà Đ không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm. Hoàn trả cho bà Đ số tiền tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Điện Biên Phủ, tỉnh Điện Biên.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 308, Điều 309 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị đơn bà Nguyễn Thị Đ sửa bản án dân sự sơ thẩm số: 05/2022/DS-ST ngày 21 tháng 12 năm 2022 của Tòa án nhân dân thành phố Điện Biên Phủ, tỉnh Điện Biên như sau:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 166 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

Khoản 3 Điều 26, khoản 2 Điều 29 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng, án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Hồ Tuyết H về việc yêu cầu bà Nguyễn Thị Đ trả cho bà Hồ Tuyết H số tiền 23.000.000 (Hai mươi ba triệu) đồng.

2. Án phí: bà Hồ Tuyết H phải chịu 1.150.000 (Một triệu một trăm năm mươi nghìn) đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch, được khấu trừ 650.000 (Sáu trăm năm mươi nghìn) đồng là tiền tạm ứng đã nộp theo biên lai số 0001919 ngày 31 tháng 5 năm 2022 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Điện Biên Phủ, tỉnh Điện Biên, còn phải nộp tiếp là 500.000 (Năm trăm nghìn) đồng.

Trả lại cho bà Nguyễn Thị Đ 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng tiền tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm đã nộp theo biên lai số 0002122 ngày 03 tháng 01 năm 2023 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Điện Biên Phủ, tỉnh Điện Biên.

Các quyết định khác của bản án không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

3. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án (ngày 14/6/2023).

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Điện Biên;
- TAND TP.Điện Biên Phủ;
- VKSND TP.Điện Biên Phủ;
- Chi cục THADS TP.Điện Biên Phủ;
- Các đương sự;
- Lưu: hồ sơ, HCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Nguyễn Trọng Đoàn